

Số: 21/2019/QĐST – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 22 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Vũ Anh Tuấn.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên họp:* Ông Hoàng Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 20/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 20/ 2019/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Chị Cao Thị N**, sinh năm 1990;

ĐKHKT: Khu 6, xã B, huyện L, tỉnh P.

- **Anh Lưu Minh P**, sinh năm 1988;

ĐKHKT: Khu 6, xã B, huyện L, tỉnh P.

Anh P hiện đang làm việc tại Đài Loan.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lưu Tuấn A, sinh năm 1967;

Trú tại: Khu 7, xã Gia T, huyện P, tỉnh P.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P trình bày: Chị N và anh P kết hôn ngày 02/12/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Nguyên, huyện L, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, năm 2014 chị N đi làm việc tại Đài

Loan. Năm 2016, anh P cũng sang Đài Loan làm việc, thời điểm đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do là do vợ chồng làm việc cách xa nhau, công việc bận rộn nên không còn quan tâm đến nhau. Đầu năm 2019, chị N về nước, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh P và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh P và chị N đều thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Cao Duy, sinh ngày 10/9/2009 và cháu Lưu Cao H, sinh ngày 24/10/2013. Ly hôn chị N và anh P thống nhất thỏa thuận: anh P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi giải quyết ly hôn anh P sẽ tiếp tục hợp đồng lao động tại Đài Loan nên anh P và chị N thống nhất sẽ tạm giao cả hai cháu cho cậu ruột anh P là ông Lưu Tuấn A chăm sóc cho đến khi anh P hết hợp đồng lao động tại Đài Loan về nước đón hai cháu. Cháu Lưu Cao Duy có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung: Chị N và anh P xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 20, diện tích 230m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại khu 6, xã Bản Nguyên, huyện L, tỉnh P đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 224352 ngày 23/01/2013 đứng tên hộ bà Cao Thị N và ông Lưu Minh P.

Ly hôn chị N và anh P thống nhất thỏa thuận: anh P được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N.

Về công nợ: Chị N và anh P xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh P xin tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự và không yêu cầu chị N phải chịu.

Chị N và anh P yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lưu Tuấn A trình bày: Ông là cậu ruột của anh Lưu Minh P, bố mẹ anh P mất sớm, anh P ở với ông từ nhỏ nên anh P cũng như con trai ông. Ông đồng ý chăm sóc cho cháu Lưu Cao Duy và Lưu Cao H cho đến khi anh P hết hợp đồng lao động tại Đài Loan về nước đón hai cháu.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm đề nghị công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con giữa chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P. Công nhận sự thỏa thuận về chia tài sản khi ly hôn giữa chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P. giao cho anh Lưu Minh P sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 20, diện tích 230m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại khu 6, xã Bản Nguyên, huyện L, tỉnh P đã được Ủy ban nhân dân

huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 224352 ngày 23/01/2013 đứng tên hộ bà Cao Thị N và ông Lưu Minh P. Anh P không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Cao Thị N. Công nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn của anh Lưu Minh P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P là hôn nhân hợp pháp. Do không có sự quan tâm, chia sẻ giữa vợ chồng trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P đều thuận tình ly hôn.

Anh Lưu Minh P đang làm việc tại Đài Loan đã về Việt Nam cùng chị Cao Thị N làm đơn xin ly hôn và tự khai tại Tòa án nhân dân tỉnh P thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn. Xét thấy việc chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, đ-ợc chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Cao Duy, sinh ngày 10/9/2009 và cháu Lưu Cao H, sinh ngày 24/10/2013. Ly hôn chị N và anh P thống nhất thỏa thuận: anh P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi giải quyết ly hôn anh P sẽ tiếp tục hợp đồng lao động tại Đài Loan nên anh P và chị N thống nhất sẽ tạm giao cả hai cháu cho cậu ruột anh P là ông Lưu Tuấn A chăm sóc cho đến khi anh P hết hợp đồng lao động tại Đài Loan về nước đón hai cháu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh P và chị N phù hợp với quy định tại Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Về tài sản chung: Chị N và anh P xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 20, diện tích 230m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại khu 6, xã Bản Nguyên, huyện L, tỉnh P đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 224352 ngày 23/01/2013 đứng tên hộ bà Cao Thị N và ông Lưu Minh P.

Ly hôn chị N và anh P thống nhất thỏa thuận: anh P được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị N. Sự thỏa thuận của chị N và anh P phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Về công nợ: Chị N và anh P không yêu cầu nên không giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự của anh Lưu Minh P phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369 và Điều 370 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P: Giao cháu Lưu Cao Duy, sinh ngày 10/9/2009 và cháu Lưu Cao H, sinh ngày 24/10/2013 cho anh Lưu Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P tự thỏa thuận. Trong thời gian anh Lưu Minh P ở nước ngoài, tạm giao cháu Lưu Cao Duy và cháu Lưu Cao H cho ông Lưu Tuấn A chăm sóc cho đến khi anh Lưu Minh P về nước đón hai cháu. Chị Cao Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Cao Thị N và anh Lưu Minh P về chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn như sau:

Giao cho anh Lưu Minh P được sử hữu, sử dụng tài sản chung vợ chồng là thửa đất số 111, tờ bản đồ số 20, diện tích 230m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại khu 6, xã Bản Nguyên, huyện L, tỉnh P đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 224352 ngày 23/01/2013 đứng tên hộ bà Cao Thị N và ông Lưu Minh P. Anh Lưu Minh P không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Cao Thị N.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận anh Lưu Minh P tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận anh P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0003152 ngày 13/03/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Vũ Anh Tuấn**